

**CÔNG TY CỔ PHẦN LEN VIỆT NAM**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2017**

Tp HCM, tháng      năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN LEN VIỆT NAM  
VIET NAM BLANKET WOOL COMPANY

**Phụ lục số IV**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính  
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN LEN VIỆT NAM  
**Năm báo cáo 2017**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN LEN VIỆT NAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 413004578
- Vốn điều lệ: 41.000.000.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: 63 Hồ Bá Phấn – Phước Long A - Quận 9 – TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 08. 37313218 – 08. 37313031
- Số fax: 08.37313139
- Website: <http://www.lenvietnam.com>
- Mã cổ phiếu (nếu có): LVN

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

- Quá trình hình thành và phát triển: (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

+ Ngày thành lập : Ngày 06 tháng 04 năm 2006

- Các sự kiện khác.

**3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

+ Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu len ( bao gồm len từ lông thú, từ sợi tổng hợp), các sản phẩm từ len, thêu đan, may mặc, nguyên phụ liệu, thiết bị, phụ tùng, hàng hóa khác có liên quan đến len, thêu đan, may mặc;

- **Địa bàn kinh doanh:** (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

- + Thành phố Hồ Chí Minh. ( sản xuất và kinh doanh )
- + Thành phố Biên Hòa , Tỉnh Đồng Nai ( Chủ yếu sản xuất )
- + Các tỉnh thành phía nam ( chủ yếu tiêu thụ sản phẩm)
- + Thị Trường Hà Lan ( Chủ yếu tiêu thị mèn DA)

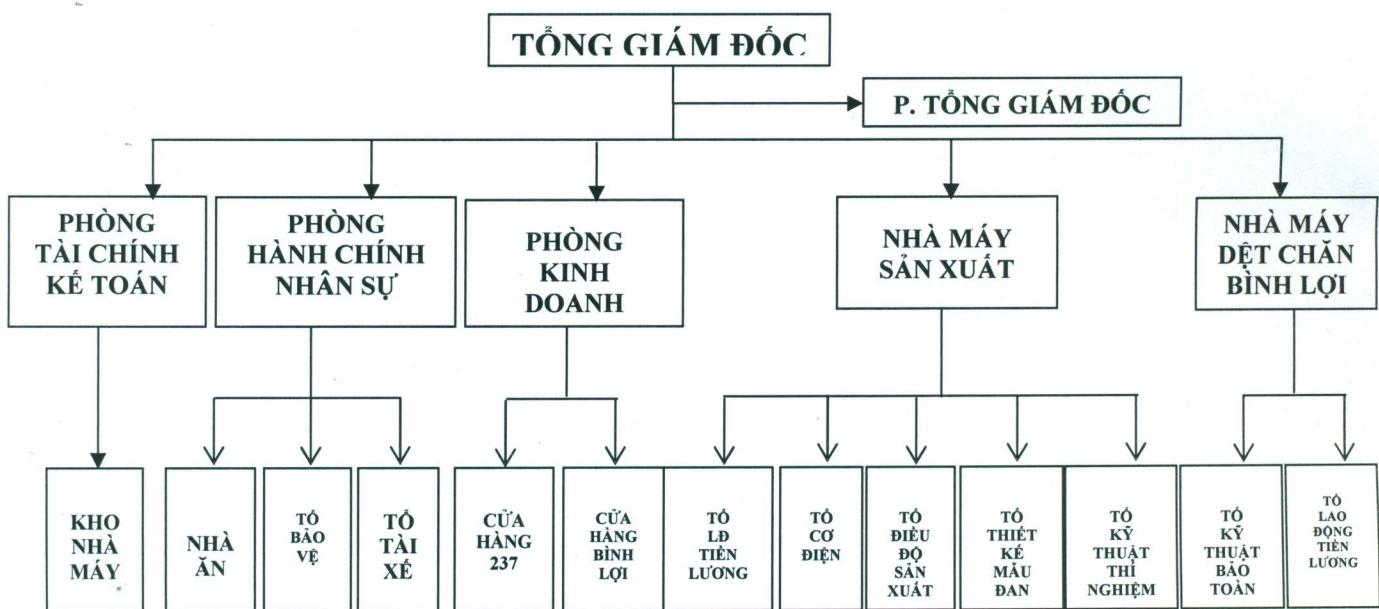
#### 4- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị.**

Bao gồm : Đại hội đồng cổ đông ; Hội đồng quản trị , Ban kiểm soát , Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc

- **Cơ cấu bộ máy quản lý.**

### SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN LEN VIỆT NAM



## 5- Định hướng phát triển

### 1. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SX KINH DOANH NĂM 2018

**Đơn vị tính: triệu đồng**

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2017	KẾ HOẠCH 2018
I. Tổng doanh thu	53.176	42.026
1. Doanh thu sản xuất thực tế	40.647	29.546
2. Doanh thu thanh lý hàng tồn kho, tài sản	12.529	12.480
II. Tổng chi phí	83.790	53.006
1. Chi phí sản xuất thực tế	40.537	29.496
2. Chi phí xử lý hàng tồn kho, tồn tại cũ	43.253	23.510
III. Lãi, lỗ	(30.614)	(10.980)
1. Lãi sản xuất thực tế	110	50
2. Lỗ thanh lý tồn kho, chi phí tồn tại cũ	(30.724)	(11.030)
Trong đó lỗ:		
+ Do xử lý hàng thiểu:	(2.489)	0
+ Do thanh lý hàng tồn	(7.320)	(7.651)
+ Do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(16.102)	0
+ Do chi phí lãi vay:	(4.812)	(3.329)

#### 2. Về việc trả nợ vay:

- Tiếp tục tìm mọi biện pháp để thanh lý hàng tồn kho và các máy móc thiết bị không sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả để có nguồn tài chính trả nợ vay.
- Hiện nay, ngân hàng Vietbank đang khởi kiện công ty do nợ quá hạn. Công ty vẫn không có nguồn để trả, nên sắp tới có thể bị tòa án tuyên bố phá sản.

### 3. Về cơ cấu lại khu vực sản xuất :

- Năm 2018 tiếp tục khai thác các khu máy có hiệu quả, chỉ sản xuất, gia công khi có đơn đặt hàng đảm bảo hiệu quả không sản xuất để không phát sinh tồn kho.
- Tìm nguồn hàng gia công ổn định tạo việc làm cho người lao động;

### 4. Về đầu tư, phát triển:

Tiếp tục thanh lý hàng hóa, tài sản để trả nợ vay, huy động vốn mới từ nhiều nguồn (nhà đầu tư mới, nguồn tín dụng mới), dưới nhiều hình thức (trực tiếp, gián tiếp, liên doanh, liên kết,...) để tái đầu tư, phục hồi sản xuất với cơ cấu mặt hàng mới phù hợp với thị trường, khách hàng tiềm năng, như: sản xuất sợi len chải kỹ; sợi len chải thô; các loại sợi len đặc biệt có giá trị cao,...

- 6- Các rủi ro: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty) : Tình hình nhập lậu các loại sợi AC, chăn len làm ảnh hưởng đến việc tiêu thụ sản phẩm trong nước.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :

Trong năm 2017 ban điều hành công ty đã qui hoạch lại các khu máy, tiến hành thanh lý một số máy móc thiết bị không sử dụng, chỉ duy trì sản những khu máy đủ trang trải chi phí trong sản xuất để tạo việc làm cho người lao động, cắt lỗ những khu máy có đơn hàng sản xuất không hiệu quả, cụ thể:

STT	Đơn vị	Mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng
1	N/m Đan	- Sản phẩm đan	Cái	33.225
		- Bo	Bộ	117.158
2	N/m sợi	- Sợi AC	kg	73.575,9
		- Sợi gia công	kg	907.072,77
3	N/m Bình Lợi	- Mèn các loại	Cái	34.749

- Nhà máy đan: sản xuất cầm chừng, không có hiệu quả.
- Nhà máy sợi: duy trì khu vực máy se, hiệu quả tốt.
- Nhà máy Bình Lợi: sản xuất cầm chừng, không hiệu quả.

b- Thực hiện các chỉ tiêu:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch được giao	Thực hiện	Tỷ lệ %
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Giá trị SXCN	Triệu đồng	250.000		
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	42.600	53.176	124,83
	Kim ngạch xuất khẩu	1.000USD	3.350	188	
4	Sản phẩm chủ yếu				
	- Sợi len các loại	Tấn		73,58	
	- Sợi gia công	Tấn		907,07	
	- Mèn các loại	Cái		34.749	
	- Sản phẩm đan dệt	Cái		33.225	
	- Bo	Bộ		117.158	
5	Thu nhập bình quân	Đồng	5.500.000	4.978.524	
6	Nộp ngân sách	Triệu đồng	5.688	7.668	
	Trong đó : Thuế TNDN	Triệu đồng		0	
7	Lợi nhuận	Triệu đồng	( 5.900 )	(30.613 )	
	* Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng		(30.613 )	
8	Tỷ suất lợi nhuận/ vốn ĐLệ	%		(0,747)	

## 2. Tổ chức nhân sự

### 3.

Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Nam /nữ	Quê quán	Loại cổ đông	Quan hệ với CĐNB	Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Chức vụ hiện nay	Số chứng khoán nắm giữ
Lê Thanh Liêm	21/8/1960	Nam				23 Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 19, Bình Thạnh	Đại học	Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám Đốc	
Lê Văn Anh	15/11/1969	Nam	TP HCM	Nội bộ		769/121B Phạm Thế Hiển, P.4, Q.8	Đại học	TV. HĐQT kiêm Giám Đốc Điều hành Cty.	59.000
Phạm Văn Tân	9/4/1956	Nam	Tiền Giang	Nội bộ		218/17 Minh Phụng- P.6-Q.6	Đại học		286.300

Nguyễn Thị Chín	10/8/1970	Nữ	Bình Định		58/3/14 Phan Văn Trị, P.10, Gò Vấp	Đại học	Kế toán trưởng	
Phan Thanh Sơn	31/8/1957	Nam	Hà Tĩnh		66/17 Phố Quang, P.2, Tân Bình	Đại học	Trưởng Ban kiểm soát	

Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- + **Tổng số CBCNV :** 142 , Trong đó nữ : 95
- + Số lao động đã ký HĐLĐ : 142

Tóm tắt chính sách đối với người lao động :

- + Thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật như : BHXH, BHYT, BHTN; các chế độ ốm đau, thai sản, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật.
- + Xây dựng và điều chỉnh đơn giá lương kịp thời.
- + Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các chính sách trợ cấp, thăm viếng, hiếu hỷ, ... theo thỏa ước lao động tập thể : thăm hỏi người lao động bị ốm đau, bị tai nạn, người lao động kết hôn, trợ cấp khó khăn đột xuất .....
- + Công ty và các tổ chức đoàn thể luôn quan tâm và tặng quà cho các chi em phụ nữ nhân ngày 8/3 và 20/10; tặng quà cho con CBCNV nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, khen thưởng các cháu có thành tích học tập tốt.

### 3. Tình hình tài chính

#### a- Tình hình tài chính

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ %
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Giá trị tổng tài sản	Triệu đồng	95.584	48.801	51,06
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	141.982	46.989	33,10
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	(4.346)	(35.945)	(827,08)
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	(5.049)	(5.331)	
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(9.395)	(30.613)	
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(9.395)	(30.613)	
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	0%	0%	

**B- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,99	0,42	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	0,16	0,11	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,718	1,075	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,552	(14,189)	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bq	2,34	1,85	
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	1,48	0,96	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,066)	(0,65,1)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0,349)	8,274	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,098)	(0,627)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,031)	(0,765)	
.....			

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) Cổ phần: (Nếu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 41.000.000 cổ phần – đang chuyển nhượng tự do.
- Loại cổ phần đang lưu hành : Phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông: (Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.)

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>Phân theo CĐ nhà nước và khác</b>	<b>4.100.000</b>	<b>100,00</b>
Cổ đông nhà nước	2.753.120	67,15
Cổ đông khác	1.346.880	32,85
<b>Phân theo CĐ tổ chức và cá nhân</b>	<b>4.100.000</b>	<b>100,00</b>
Tổ chức	3.054.370	74,50
Cá nhân	1.045.630	25,50

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

#### 1/. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2017:

Đơn vị tính: *triệu đồng*

CHỈ TIÊU	31/12/2017	01/01/2017	Giá trị tăng/giảm so với đầu năm	Tỷ lệ (%) tăng giảm
<b>TÀI SẢN</b>				
A.Tài sản ngắn hạn	22.215	67.622	(45.407)	(67,15)
<b>I.Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>2.623</b>	<b>452</b>	<b>2.171</b>	<b>480,31</b>
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>				
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>2.834</b>	<b>9.034</b>	<b>(6.200)</b>	<b>(68,63)</b>
<b>IV.Hàng tồn kho</b>	<b>16.665</b>	<b>56.920</b>	<b>(40.255)</b>	<b>(70,72)</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>92</b>	<b>1.216</b>	<b>(1.124)</b>	<b>(92,43)</b>

B.Tài sản dài hạn				
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>48</b>	<b>129</b>	<b>(81)</b>	<b>(63,28)</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>24.330</b>	<b>27.388</b>	<b>(3.058)</b>	<b>(11,17)</b>
<b>III.Bất động sản đầu tư</b>				
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>				
<b>V.Các khoản ĐT tài chính dài hạn</b>	<b>2.000</b>	<b>0</b>	<b>2.000</b>	
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>208</b>	<b>445</b>	<b>(237)</b>	<b>(53,26)</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>48.801</b>	<b>95.584</b>	<b>(46.783)</b>	<b>(48,94)</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
A.Nợ phải trả	52.501	68.671	(16.170)	(23,55)
I.Nợ ngắn hạn	52.461	68.038	(15.577)	(22,89)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	<b>36.325</b>	<b>51.126</b>	<b>(14.801)</b>	<b>(28,95)</b>
II. Nợ dài hạn	<b>39</b>	<b>633</b>	<b>(594)</b>	<b>(93,84)</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	<b>39</b>	<b>435</b>	<b>(396)</b>	<b>(91,03)</b>
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	(3.700)	26.914	(30.614)	(113,74)
I. <b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>41.000</b>	<b>41.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
II.Thặng dư vốn cổ phần				
III.Quỹ đầu tư phát triển				
<b>IV.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>(44.700)</b>	<b>(14.086)</b>	<b>(30.614)</b>	<b>217,33</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN:</b>	<b>48.801</b>	<b>95.584</b>	<b>(46.783)</b>	<b>(48,94)</b>

**2/. Tình hình nợ vay tính đến 31/12/ 2017:**

**Đơn vị tính: đồng**

TT	Nội dung	Dư nợ 31/12/2017	Dư nợ 31/12/2016	Tăng(+)/giảm (-) so với năm 2016
	<b>TỔNG CỘNG</b>	36.364.591.132	51.560.643.904	(15.196.052.772)
1	Vay ngắn hạn	35.930.007.812	49.939.081.412	14.009.073.600
-	<b>Ngân hàng TMCP Á Châu</b>	<b>0</b>	<b>9.992.175.000</b>	<b>(9.992.175.000)</b>
-	<b>NH TMCP Việt Nam Thương Tín Vietbank)</b>	<b>9.679.269.633</b>	<b>9.979.269.633</b>	<b>(300.000.000)</b>
-	<b>NH TMCP Công Thương – CN11 (Vietinbank)</b>	<b>26.250.738.179</b>	<b>29.967.636.779</b>	<b>(3.716.898.600)</b>
2	Nợ thuê tài chính	434.583.320	1.621.562.492	(1.186.979.172)
	<b>Phải trả trong 2018 – Vietcombank Leasing</b>	<b>395.416.642</b>	<b>1.186.979.168</b>	<b>(791.562.526)</b>
	<b>Phải trả trong 2019 - Vietcombank Leasing</b>	<b>39.166.678</b>	<b>434.583.324</b>	<b>(395.416.646)</b>

**3/. Tình hình thanh lý hàng tồn kho:**

TT	Nội dung	Tồn kho 31/12/2017	Tồn kho 31/12/2016	Tăng(+)/giảm(-)so với năm 2016
	<b>TỔNG CỘNG</b>	32.767.674.846	56.919.634.442	(24,151,959,596)
1	<b>Nguyên liệu, vật liệu</b>	<b>6.517.363.330</b>	<b>13.561.618.534</b>	<b>(7.044.255.204)</b>
2	<b>Chi phí sxkd dở dang</b>	<b>2.171.211.645</b>	<b>1.907.458.679</b>	<b>263.752.966</b>
3	<b>Thành phẩm</b>	<b>23.455.920.769</b>	<b>39.281.773.699</b>	<b>(15.825.852.930)</b>
<b>Trong đó</b>				
	- <i>Sợi</i>	<i>3.296.300.314</i>	<i>16.040.523.685</i>	<i>(12.744.223.371)</i>
	- <i>Mèn, vải lông thú</i>	<i>10.602.931.583</i>	<i>14.978.826.836</i>	<i>4.375.895.253)</i>
	- <i>SP đan</i>	<i>9.148.740.386</i>	<i>8.262.423.178</i>	<i>886.317.217</i>
	- <i>Gia công</i>	<i>407.948.477</i>	<i>0</i>	<i>407.948.477</i>
4	<b>Hàng hóa</b>	<b>623.179.102</b>	<b>1.885.047.387</b>	<b>(1.261.868.285)</b>
5	<b>Hàng gửi đi bán</b>		<b>-</b>	<b>(283.736.143)</b>

Trong năm 2017 Công ty đã tiến hành kiểm kê phân loại, sắp xếp lại hàng tồn kho, bảo quản hàng tồn kho theo từng khu vực. Đẩy mạnh công tác bán hàng tồn kho, thu hồi vốn để trả nợ. Trị giá hàng tồn kho cuối năm giảm so với đầu năm 40,2 tỷ trong đó giảm do tiêu thụ là: 24.152 triệu đồng. Năm 2017 đã trích lập dự phòng giảm giá là: 16.102 triệu đồng.

#### 4/ Tình hình thanh lý tài sản, CCDC:

STT	Danh mục	Giá trị còn lại	Giá trị thu hồi
1	Phương tiện vận tải	340.077.328	757.727.274
2	Dây chuyền Dệt kim bằng & in	75.308.842	445.454.545
3	Dây chuyền Lông thú	0	100.000.000
4	Máy biến thế	0	600.000
5	Máy đan	54.960.571	345.454.545
6	MMTB khác	29.527.808	105.500.000
	<b>CỘNG</b>	<b>499.874.549</b>	<b>1.754.736.364</b>

Công ty đã tổ chức công tác đấu thầu để tìm được khách hàng và giá bán tốt nhất. Nên khi thanh lý TSCĐ không phát sinh lỗ do thanh lý.

#### 1. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài sản

(Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	So sánh tăng giảm%
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn				
Bố trí cơ cấu tài sản				
Tài sản cố định / Tổng tài sản	%	28,65	49,86	174,03
Tài sản lưu động / Tổng tài sản	%	70,75	45,52	64,34
Bố trí cơ cấu nguồn vốn				
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	71,84	107,58	149,75
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	28,16	(7,58)	26,92

b) Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ phải trả	31-12-2016	31-12-2017	So sánh tăng giảm%
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>68.037.952.587</b>	<b>52.461.341.616</b>	<b>77,11</b>
1- Vay và nợ ngắn hạn	51.126.060.580	36.325.424.454	71,05
2- Phải trả người bán	11.432.991.990	747.364.303	6,54
3- Người mua trả tiền trước	147.113.346	6.449.223.805	
4- Thuế và các khoản phải nộp ngân sách	1.601.180.218	1.489.166.571	93,00
5- Phải trả người lao động	2.838.562.293	1.617.302.040	56,98
6- Chi phí phải trả	192.813.129	3.536.362.544	
7- Các khoản phải trả phải nộp khác	699.231.031	2.296.497.899	328,43
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>632.583.324</b>	<b>39.166.678</b>	<b>6,19</b>
1- Vay và nợ dài hạn	434.583.324	39.166.678	9,01
2- Phải trả dài hạn khác	198.000.000	0	
<b>Tổng cộng</b>	<b>68.670.535.911</b>	<b>52.500.508.294</b>	<b>76,45</b>

– Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Các khoản nợ	31-12-2016	31-12-2017	So sánh tăng giảm%
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>9.034.370.306</b>	<b>2.834.368.627</b>	<b>31,37</b>
1. Phải thu khách hàng	8.012.027.768	2.914.480.336	36,38
2. Trả trước cho người bán	14.057.000	12.000.000	85,37
3.Các khoản phải thu khác	1.474.104.220	373.706.973	25,35
4.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi *	(465.818.682)	(465.818.682)	(100,00 )

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Nội dung	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	So sánh tăng giảm%
Doanh thu thuần	đồng	141.982.017.850	46.988.728.406	33,09
Lợi nhuận gộp	đồng	13.578.158.559	(21.126.122.232)	
Tỷ trọng lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	9,56		
Chi phí lãi vay	đồng	4.293.523.354	4.811.881.512	112,07
Tỷ trọng chi phí lãi vay /Lợi nhuận gộp	%	31,62		

2: *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:*

- Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Công ty theo sơ đồ quản lý trực tuyến gồm 3 phòng ban và 8 nhà máy.
- Tổ chức, sắp xếp lại lao động cho nhà máy chăn len Bình Lợi, Nhà máy Đan và nhà máy sợi- xe.
- Bố trí lao động hợp lý cho dây chuyền sản xuất sợi AC, dây chuyền sản xuất sợi se của Nhà máy sợi - xe. Đầu tư chiều sâu nâng cao chất lượng sản phẩm sợi AC, sợi AC pha Wool, sợi Wool 100% và sợi Wool pha PE .
- Tiết kiệm triệt để chi phí sản xuất. Điều hành quỹ lương theo hiệu quả sản xuất của từng nhà máy. thu nhập của người lao động phải gắn liền với hiệu quả của từng nhà máy.
- Nâng cấp máy móc thiết bị, xây dựng lịch xích tu sửa, tập trung khai thác triệt để máy móc, thiết bị, nhà xưởng hiện có để tăng doanh thu.
- Chấn chỉnh hệ thống quản lý chất lượng, định mức tiêu hao nguyên phụ liệu, giảm chi phí nguyên liệu, vật tư, nhiên liệu, nhằm giảm giá thành ,tăng sức cạnh tranh về giá cả trên thị trường.
- Tập trung nghiên cứu và phát triển sợi len cao cấp.
- Tiếp tục cho thuê nhà xưởng không có nhu cầu sử dụng tại nhà máy chăn len Bình Lợi . nhà máy len Biên Hòa. Để bù đắp một phần chi phí thuê đất của 2 Nhà máy này.
- Thực hiện nhượng bán những máy móc thiết bị không còn sử dụng tại 3 Nhà máy , thu hồi vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh tiêu thụ sợi len Acrylic , mền và áo còng tồn kho .

3. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).*

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

- Chi phí phải trả cho người lao động lâu năm nghỉ việc cao.
- Tích cực tiêu thụ hàng tồn kho,
- Công ty luôn tuân thủ các quy định của nhà nước về luật lao động, luật kế toán, thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

**Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với Ban kiểm soát công ty kiểm tra các vấn đề:**

- HĐQT đã chỉ đạo ban TGĐ hoàn thành đúng thời hạn Báo cáo tài chính kiểm toán và báo cáo thường niên năm 2017.
- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra.
- Hội đồng quản trị thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng giám đốc đáp ứng yêu cầu về nguồn lực cho hoạt động của công ty.
- Kiểm tra thường xuyên việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ và quy chế quản lý tài chính và các quy định hiện hành của nhà nước.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2017	KẾ HOẠCH 2018
I. Tổng doanh thu	53.176	42.026
1. Doanh thu sản xuất thực tế	40.647	29.546
2. Doanh thu thanh lý hàng tồn kho, tài sản	12.529	12.480
II. Tổng chi phí	83.790	53.006
1. Chi phí sản xuất thực tế	40.537	29.496
2. Chi phí xử lý hàng tồn kho, tồn tại cũ	43.253	23.510
III. Lãi, lỗ	(30.614)	(10.980)
1. Lãi sản xuất thực tế	110	50
2. Lỗ thanh lý tồn kho, chi phí tồn tại cũ	(30.724)	(11.030)

Trong đó lỗ:		
+ Do xử lý hàng thiểu:	(2.489)	0
+ Do thanh lý hàng tồn	(7.320)	(7.651)
+ Do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(16.102)	0
+ Do chi phí lãi vay:	(4.812)	(3.329)

a. Về việc trả nợ vay:

- Tiếp tục tìm mọi biện pháp để thanh lý hàng tồn kho và các máy móc thiết bị không sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả để có nguồn tài chính trả nợ vay.
- Hiện nay, ngân hàng Vietbank đang khởi kiện công ty do nợ quá hạn. Công ty vẫn không có nguồn để trả, nên sắp tới có thể bị tòa án tuyên bố phá sản.

b. Về cơ cấu lại khu vực sản xuất :

- Năm 2018 tiếp tục khai thác các khu máy có hiệu quả, chỉ sản xuất, gia công khi có đơn đặt hàng đảm bảo hiệu quả không sản xuất để không phát sinh tồn kho.
- Tìm nguồn hàng gia công ổn định tạo việc làm cho người lao động;

c. Về đầu tư, phát triển:

Tiếp tục thanh lý hàng hóa, tài sản để trả nợ vay, huy động vốn mới từ nhiều nguồn (nhà đầu tư mới, nguồn tín dụng mới), dưới nhiều hình thức (trực tiếp, gián tiếp, liên doanh, liên kết,...) để tái đầu tư, phục hồi sản xuất với cơ cấu mặt hàng mới phù hợp với thị trường, khách hàng tiềm năng, như: sản xuất sợi len chải kỹ; sợi len chải thô; các loại sợi len đặc biệt có giá trị cao,...

**V. Quản trị công ty** (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

Danh sách HĐQT	Ghi chú	Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	Số cổ phần đại diện tổ chức	Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân	Số cổ phần thuộc sở hữu của những người có liên quan	Cộng	Tỷ lệ sở hữu / vốn điều lệ (%)	Số lượng chức danh TV HĐQT nắm giữ tại Cty khác
Lê Thanh Liêm	TV.HĐ QT có kiêm nhiệm	2.056.128				2.056.128	50.15	
Phạm Văn Tân	TV.HĐ QT có kiêm nhiệm			286.300		286.300	6.98	
Lê Văn Anh	V.HĐQT có kiêm nhiệm	696.992		59.000		755.992	18.44	
<b>CỘNG</b>		<b>2.753.120</b>		<b>345.300</b>		<b>3.098.420</b>	<b>75.57</b>	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

- Hội đồng quản trị không tổ chức thành các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Lê Thanh Liêm	CT. HĐQT	21	100%	
2	Phạm Văn Tân	TV. HĐQT	21	100%	
3	Lê Văn Anh	TV. HĐQT	21	100%	

**Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị :**

Số	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/BB/HĐQT/LVN	04/01/2017	V/v vay vốn và cấp tín dụng tại NH ACB
2	01-A/BB-HĐQT/LVN	10/01/2017	V/v Đề nghị giảm giá bán hàng tồn kho
3	02/BC-HĐQT/LVN	10/01/2017	V/v bàn giao số liệu thời điểm 31/12/2016
4	14/LVN	06/02/2017	Báo cáo tình hình quản trị năm 2016
5	03 /BB-HĐQT/LVN	10/02/2017	V/v Đề nghị thanh lý xe của công ty
6	03A/BB-HĐQT/LVN	17/02/2017	V/v Xử lý số liệu thừa, thiếu ko thể thu hồi
7	04/BB-HĐQT/LVN	23/02/2017	V/v Bổ nhiệm kế toán trưởng công ty
8	05/BB-HĐQT/LVN	23/03/2017	V/v Đề nghị thanh lý xe của công ty
9	06/BB-HĐQT/LVN	23/03/2017	Giải quyết hàng tồn kho và giao nhiệm vụ QL
10	07/BB-HĐQT/LVN	10/04/2017	V/v ký HD thế chấp TS Vietin bank CN 11
11	08/BB-HĐQT/LVN	18/04/2017	V/v thanh lý hàng tồn kho, ts ko sử dụng
12	09/BB-HĐQT/LVN	05/05/2017	Bàn giao số liệu sau KT giữa TGĐ mới và cũ
13	10/BB-HĐQT/LVN	12/05/2017	V/v Thanh lý hàng tồn kho
14	11/CV-HĐQT/LVN	14/07/2017	V/v Xin ý kiến Tập đoàn ( ĐHĐCĐ)
15	12/BB-HĐQT/LVN	14/07/2017	V/v thông qua nội dung ĐHĐCĐ năm 2017
16	13/BB-HĐQT/LVN	28/07/2017	BB và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017
17	14/BB-HĐQT/LVN	09/08/2017	V/v ủy quyền ông Lê Văn Anh xử lý với NH TMCP Việt nam thương tín
18	15/NQ-HĐQT/LVN	02/10/2017	V/v bổ nhiệm GĐ CN NM Len Biên Hòa
19	16/BB-HĐQT/LVN	13/11/2017	V/v thay đổi người đại diện vốn tại Cty CP đầu tư phát triển Phong Thịnh
20	17/BB-HĐQT/LVN	07/12/2017	V/v Định hường tỷ lệ cổ tức năm 2017
21	18/BB/HĐQT/LVN	07/12/2017	V/v dự kiến kết quả SXKD năm 2017 và báo cáo xin ý kiến chỉ đạo

**2. Ban Kiểm soát**

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

Danh sách Ban kiểm soát	Chức danh	Số cổ phần sở hữu cá nhân	Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ (%)
Phan Thanh Sơn	Trưởng ban				
Võ Thị Thanh Hoài	Thành viên				
Bùi Văn Hải	Thành viên	20.500		20.500	0,5

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên , do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 bầu , nhiệm kỳ của Ban kiểm soát 5 năm (2016 – 2021) . Ban kiểm soát họp định kỳ mỗi quý / lần theo điều lệ công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát .

b1) Nội dung các cuộc họp

- Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh từng quý
- Đánh giá hoạt động của HĐQT , Xem xét đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty nhằm phát hiện rủi ro , thiếu sót , từ đó đưa ra các kiến nghị . Kiểm tra giám sát các báo cáo tài chính về tính hợp lý , hợp pháp và trung thực của các số liệu tài chính

b2) Kết quả cuộc họp của Ban kiểm soát :

- Đẩy mạnh tiêu thụ hàng tồn kho.
- Giảm dần dư nợ vay ngắn hạn từ đó giảm chi phí lãi vay.
- Nâng cao sản lượng sản xuất, chất lượng và tiêu thụ sợi AC.
- **Bố trí lao động hợp lý, tăng cường hiệu quả sử dụng máy se của 2 nhà máy sợi - xe và Dệt chăn Bình Lợi.**
- Tìm đại lý để tiêu thụ áo len.
- Tăng cường công tác điều độ sản xuất, chú trọng khâu tổ chức, chuẩn bị, phục vụ cho sản xuất với yêu cầu – kịp thời – đầy đủ chính xác, nhằm nâng cao hiệu quả hệ thống máy đan tự động đã được đầu tư.
- Nộp thuế đất còn tồn đọng, tránh bị phạt.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương(đ)	Thưởng (đ)	Thù lao (đ)
1	Lê Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT , Tổng GD	0	0	0
4	Lê Văn Anh	TVHĐQT , Giám đốc NM	190.822.000	15.608.204	0
5	Phạm văn Tân	TVHĐQT	0	0	0
6	Phan Thanh Sơn	Trưởng BKS	0	0	0
7	Bùi Văn Hải	TV BKS	0	0	0
8	Võ Thị Thanh Hoài	TV BKS	0	0	0

b) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc , Tổng Giám đốc , các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Trong năm không có giao dịch nào phát sinh

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán :

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Len Việt Nam tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.) được đăng trên website của Công ty CP len Việt Nam.

